

UBND PHƯỜNG DƯƠNG NỘI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

**THÔNG BÁO**  
**Thông tin về học sinh năm học 2025-2026**  
(tính đến ngày 5/9/2025).

Khối	Số lớp	Tổng số học sinh	Nữ	HS học 2 buổi/ngày		HS ăn bán trú		Học sinh khuyết tật		Tỷ lệ H/S hoàn thành CT lớp học	Dự kiến Tỷ lệ H/S chưa hoàn thành CT lớp học
				Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tổng số	Số HS có hồ sơ KT		
1	11	595	282	11	595	11	594	2	2	100%	0%
2	10	546	285	10	546	10	544	4	4	100%	0%
3	10	527	249	10	527	10	526	4	4	100%	0%
4	9	472	221	9	472	9	472	2	2	100%	0%
5	8	428	193	8	428	8	425	2	2	100%	0%
<b>Tổng</b>	<b>48</b>	<b>2568</b>	<b>1230</b>	<b>48</b>	<b>2568</b>	<b>48</b>	<b>2561</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>100%</b>	<b>0%</b>

- \* Lớp học tình thương: Số lớp: 0 Số học sinh: 0
- \* Tổng số học sinh là con thương binh, con liệt sỹ: 0
- \* Tổng số học sinh diện chính sách: 03 HS (2A10, 3A3, 5A7)
- \* Tổng số học sinh là con dân tộc: 46 học sinh (K1:10, K2: 9, K3: 12, K4:7, K5: 8). Nữ dân tộc: 19 học sinh.
- Bình quân học sinh trên lớp là: 53,6 hs/lớp.

Dương Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Trâm**







UBND PHƯỜNG DƯƠNG NỘI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

**THÔNG BÁO**  
Thông tin cơ sở vật chất năm học 2025 – 2026

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	48	1,37 m <sup>2</sup> /HS
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
	Phòng học kiên cố	48	Mỗi lớp 1 phòng học văn hóa
<b>III</b>	<b>Tổng diện tích đất</b>	21144 m <sup>2</sup>	Bình quân: 8,3 m <sup>2</sup> /HS
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập</b>	10000 m <sup>2</sup>	1 sân trường, 3 sân bóng và khu mái che xung quanh trường
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học	2550 m <sup>2</sup>	
2	Diện tích thư viện	120 m <sup>2</sup>	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng)	450 m <sup>2</sup>	
4	Diện tích phòng Mỹ thuật		
5	Diện tích phòng Âm nhạc		
6	Diện tích phòng Ngoại ngữ		
7	Diện tích phòng Tin học	200 m <sup>2</sup>	2 phòng
8	Diện tích phòng thiết bị giáo dục	30 m <sup>2</sup>	1 phòng
9	Diện tích phòng Đoàn Đội	24 m <sup>2</sup>	1 phòng
10	Diện tích phòng Y tế trường học	30 m <sup>2</sup>	1 phòng
11	Diện tích phòng Truyền thống	24 m <sup>2</sup>	1 phòng
12	Diện tích phòng họp hội đồng		
13	Diện tích phòng giáo viên	56 m <sup>2</sup>	1 phòng
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: Bộ)</b>		
1	<i>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định</i>		
1.1	Khối 1	560 bộ	
1.2	Khối 2	555 bộ	
1.3	Khối 3	500 bộ	
1.4	Khối 4	480 bộ	
1.5	Khối 5	480 bộ	
2	<i>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định</i>		
2.1	Khối 1	0	
2.2	Khối 2	0	
2.3	Khối 3	0	
2.4	Khối 4	0	
2.5	Khối 5	0	



TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
VIII	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ cho học tập	160 cái	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	8	
2	Cát sét	03	
3	Máy chiếu	48	
4	Máy in	14	
5	Máy soi vật thể	48	
6	Đàn	22	
7	Tủ hai cánh	138	
8	Bình nước uống	27	
9	Bảng tương tác	01	
10	Máy phô tô	01	
11	Tăng âm loa đài	04	
12	Loa vi tính	48	
13	Điều hòa	140	
14	Đầu DVD	2	
15	Loa thông báo	67	
X	Nhà bếp	1	
XI	Nhà ăn	3	
XII	Phòng nghỉ cho HS bán trú	không	
XIII	Khu nội trú	không	
XIV	Nhà vệ sinh	26	
1	Dùng cho học sinh	22	(11 nhà VS nam; 11 nhà VS nữ)
2	Dùng cho giáo viên	4	(02 nhà VS nam; 02 nhà VS nữ)
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	có	
XVI	Nguồn điện lưới	có	
XVII	Kết nối Internet	có	
XVIII	Trang thông tin điện tử	có	<a href="http://c1lequydon.pgdhadong.edu.vn">http://c1lequydon.pgdhadong.edu.vn</a>
XIX	Tường rào	có	

Dương Nội, ngày 5 tháng 9 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Trâm**

UBND PHƯỜNG DƯƠNG NỘI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

**THÔNG BÁO**

**Thông tin điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		595/11 lớp	546/10 lớp	527/10 lớp	472/9 lớp	428/8 lớp
I	Tuyển sinh	<p>1. Phương thức: xét tuyển</p> <p>2. Đối tượng: Trẻ hiện đang sinh sống cùng gia đình và có hộ khẩu thường trú, tạm trú, lưu trú trên địa bàn quận và theo tuyển tuyển sinh.</p> <p>3. Độ tuổi: Tuổi vào lớp 1 là 6 tuổi: trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi.</p> <p>4. Thời gian tuyển sinh + Tuyển sinh trực tuyến: Từ 01-03/7/2025 + Tuyển sinh trực tiếp: 12-18/7/2025</p> <p>5. Chỉ tiêu tuyển sinh: 500 học sinh</p> <p>6. Tổng số HS đã tuyển: 596/500 học sinh = 119,2%</p>				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>Thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT đối với tất cả các khối lớp</p> <p>- Thực hiện 35 tuần/ năm học</p> <p>Ngày tựu trường 12/8/2025</p> <p>Ngày khai giảng: 5/9/2025</p> <p><b>Học kì I.</b></p> <p>- Ngày bắt đầu chương trình học kỳ I đến kết thúc chương trình học kỳ I: <b>Từ ngày: 05/9/2025 đến 15/01/2026 (gồm 18 tuần)</b></p> <p>- Kiểm tra cuối học kỳ I: Từ ngày 25/12/2025 đến 12/01/2026</p> <p>- Ngày sơ kết học kỳ I : <b>15/01/2026</b></p> <p>- Ngày nghỉ học kỳ 1: <b>16/01/2026</b></p> <p><b>Học kì II</b></p> <p>- Ngày bắt đầu: 19/01/2026</p> <p>- Ngày kết thúc: 29/5/2026</p> <p>Ngày kiểm tra cuối năm: 10/5 đến 25/5/2026</p> <p><b>Tổng kết năm học: 30/5/2026</b></p>				



STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		595/11 lớp	546/10 lớp	527/10 lớp	472/9 lớp	428/8 lớp
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của HS	<p><b>1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:</b></p> <p>Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh.</p> <p>Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, hệ thống tin nhắn điện tử, zalo chung của lớp, của trường, zalo nhóm PHHS nhà trường.</p> <p>Họp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm – trực tuyến kết hợp trực tiếp</p> <p>Họp đột xuất: 1 lần/năm để lấy ý kiến về việc học tập của học sinh sau 1 tháng học trực tiếp (nếu cần thiết)</p> <p>Thông tư 27/2020/TT BGD ĐT ngày 04/9/2020 của BGD&amp;ĐT quy định đánh giá học sinh tiểu học áp dụng cho tất cả các khối lớp: từ lớp 1 đến lớp 5</p> <p>Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua zalo chung của nhóm lớp, zalo cá nhân và tin nhắn điện tử.</p> <p><b>2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp hành tốt các nội quy học sinh.</li> <li>- Thái độ học tập tích cực, chủ động.</li> <li>- Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy.</li> <li>- Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật.</li> <li>- Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ</li> </ul>				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh.</li> <li>- Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng.</li> <li>- Tổ chức: Lễ Khai giảng năm học.; Vui Trung thu; Đại hội Chi đội, Đại hội Liên đội, chuỗi hoạt động chào mừng ngày 20/10, Chào mừng Lễ kỉ niệm 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam; Phát động tuần lễ học tập suốt đời; Phát động chương trình “Sức khỏe và dinh dưỡng học đường”; Chào mừng Kỷ niệm 81 năm Thành lập QĐND</li> </ul>				

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		595/11 lớp	546/10 lớp	527/10 lớp	472/9 lớp	428/8 lớp
		<p>Việt Nam và ngày Hội quốc phòng toàn dân; Tổ chức Ngày hội STEM; Tổ chức cho học sinh đi tham quan trải nghiệm; Tổ chức Lễ Kết nạp Đội viên; Tổ chức “Ngày hội thiếu nhi vui khỏe”. Ngày 30/5/2025 Tổ chức Tổng kết năm học và Lễ ra trường cho học sinh lớp 5 niên khóa 2021-2026.</p> <p>- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. HS được đi trải nghiệm 2 lần/năm; được trải nghiệm làm bánh trôi chay vào ngày Tết Hàn thực.</p>				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ các năng lực phẩm chất của học sinh</li> <li>- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất</li> <li>- Lễ phép, tích cực, năng động</li> <li>- Được giáo dục về kỹ năng sống</li> <li>- Có ý thức bảo vệ môi trường</li> <li>- Giữ vững hiệu quả đào tạo, HTCT lớp học đạt từ 100%.</li> <li>- Học sinh lớp 5 HTCTTH: 100%.</li> <li>- Không có học sinh bỏ học.</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh ATTP, ATTH cho học sinh</li> <li>- Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp.</li> <li>- 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu.</li> <li>- 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.</li> </ul>				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<p>Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên.</li> <li>- Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS.</li> <li>- Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh</li> </ul>				

Dương Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Trâm

1912

